

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 -5-2020.

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Hồng Hà và bà Lê Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 09-01-2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn TT, xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD.

- *Bị đơn:* anh **Hồ Hồng V**, sinh năm 1966.

ĐKKH: thôn TTr, xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: tổ 10 khu phố 4, phường LB, thành phố BH tỉnh ĐN.

- *Người làm chứng:* bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1932;

Địa chỉ: thôn TT, xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD.

Tại phiên tòa chị L có mặt; anh V có đơn xin xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt.

NHẬN THẤY

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh Hồ Hồng V có đăng ký kết hôn tự nguyện vào năm 1991 tại UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1999 thì chuyển vào tỉnh ĐN sinh sống. Được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về lối sống, hay cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị chuyển về huyện CG, Hải Dương sinh sống từ năm 2019, còn anh V vẫn sống tại ĐN. Trong thời gian vợ

chồng sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Hồ Hùng A, sinh năm 1993 và Hồ Ngọc D, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị, bị đơn anh Hồ Hồng V trình bày: Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện CG, tỉnh HD vào năm 1991. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh và chị L đã tìm nhiều biện pháp nhưng không thể hàn gắn được, nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí và lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết. Anh xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Hồ Hùng A, sinh năm 1993 và Hồ Ngọc D, sinh năm 1999; các con đã trưởng thành anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-3-2020 bà Nguyễn Thị N(mẹ đẻ anh V) trình bày: Trong cuộc sống giữa chị L và anh V có nhiều bất đồng, nay chị L xin ly hôn anh V; bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương, UBND xã Đức Chính cung cấp: Anh Hồ Hồng V và chị Nguyễn Thị L có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC vào năm 1991. Sống tại địa phương được một thời gian thì anh chị chuyển vào tỉnh ĐN sinh sống nên mọi mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm được; địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh V xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

- Quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Hồ Hồng V;
- Về con chung: đã trưởng thành không phải giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.
- Án phí: chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn anh Hồ Hồng V, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Hồ Hồng V đang cư trú tại Tổ 10, khu phố 4, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN nhưng anh chị có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nơi cư trú của chị L) là Tòa án giải quyết tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: anh V là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Hồng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng vào năm 1991, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L, anh V chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân. Nay anh V, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau, thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc chị L, anh V thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về quan hệ con chung: chị L, anh V có 02 con chung là Hồ Hùng A, sinh năm 1993 và Hồ Ngọc D, sinh năm 1999; các con chung đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết.

Về án phí: chị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ tình cảm: xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Hồng V.

Về quan hệ con chung: các con đã thành niên không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: không yêu cầu giải quyết.

Án phí: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010152 ngày 09-01-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Quyền kháng cáo: chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đức Chính, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

